

BÁO CÁO TUẦN 16

21/04/2025 – 25/04/2025

Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index giảm co tạo vùng tích lũy tạm trong quá trình hồi phục ngắn hạn*

5. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Hàng & Dịch vụ công nghiệp +9.05%*

6. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	18/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5282.7	0.0%	-1.5%	-6.9%	5.4%
EU (EURO STOXX 50)	4935.34	0.0%	3.1%	-10.4%	0.0%
Trung Quốc (SHCOMP)	3276.73	-0.1%	1.2%	-4.4%	6.6%
Nhật Bản (NIKKEI)	34730.28	1.0%	3.4%	-8.0%	-8.8%
Hàn Quốc (KOSPI)	2483.42	0.5%	2.1%	-5.5%	-5.7%
Singapore (STI)	3720.33	0.0%	5.9%	-4.8%	16.7%
Thái Lan (SET)	1150.95	0.8%	2.0%	-3.3%	-15.4%
Phillipines (PCOMP)	6134.62	0.0%	0.9%	-2.8%	-6.0%
Malaysia (KLCI)	1499.4	1.1%	3.1%	-1.2%	-2.9%
Indonesia (JCI)	6438.269	0.0%	2.8%	2.0%	-10.2%
Việt Nam (VNI)	1219.12	0.2%	-0.3%	-8.0%	2.2%
Việt Nam (HNX)	213.1	1.7%	-0.1%	-13.1%	-5.8%
Việt Nam (UPCOM)	91.3	0.9%	-2.1%	-8.1%	3.6%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Châu Âu tăng mạnh từ hoãn thuế quan và chính sách nới lỏng tiền tệ của ECB

Thị trường lo ngại về chính sách TTg Trump sẽ thúc đẩy lạm phát tăng, tạo thách thức cho FED qua nhận định của Chủ tịch Powell. Các chỉ số CK Hoa Kỳ suy yếu sau 1 tuần hồi phục trong khi TTCK Châu Âu tăng mạnh nhờ tạm hoãn thuế quan, cắt giảm lãi suất và kỳ vọng chính sách kích thích tài khóa. Vàng tiếp tục duy trì chuỗi tăng điểm ấn tượng và liên tiếp lập kỷ lục mới trong khi chỉ số DXY tiếp tục suy yếu.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm bình quân 2% trong 5 phiên giao dịch tính đến 18/4, EU600 +4.0%, Nikkei 225 +3.4%; CSI 300 +0.8%.

- Chỉ số hàng hóa 1.3%, trong đó năng lượng (Dầu thô +7.7%), các kim loại (Chì +3.3%, Nickel +7.3%), và kim loại quý tăng giá mạnh (Vàng +4.3, Bạc +4.2%)

- Chỉ số DXY tiếp tục giảm -0.7% và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y giảm nhẹ về 4.33%.

GDP quý I Trung Quốc +5.4%, mức tăng tích cực trong bối cảnh toàn cầu bất ổn từ chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ, nhờ doanh thu bán lẻ và sản xuất công nghiệp tăng lần 4.6% và 6.5% yoy. Theo sau cuộc điều tra thương mại về chip và dược phẩm, Bộ thương mại Hoa Kỳ khởi động điều tra các khoáng sản trọng yếu cho thấy cuộc chiến thương mại vẫn tiếp tục gia tăng trong quá trình tạm hoãn thuế đối ứng 90 ngày để đàm phán. Điều này đang đặt FED vào thế tiến thoái lưỡng nan qua phát biểu của ông Powell về lạm phát cao hơn và tăng trưởng thấp hơn cũng như chưa xác định mục tiêu rõ ràng. Sự phân cực chính sách mở rộng, ECB thông báo hạ lãi suất lần thứ 7 xuống 2.25% trong tuần qua.

Lãi suất 1 năm và 5 năm Trung Quốc; IMF họp 7 ngày từ 21-27/4; PMI Úc, Anh, Nhật, EU, Hoa Kỳ; Doanh thu bán lẻ Canada, Anh; Doanh thu nhà qua sử dụng, đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ; trọng tâm của mùa ĐHCĐ các doanh nghiệp niêm yết là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	18/04/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	3,326.9	0.0%	2.8%	9.2%	39.8%
Bạc	USD/ozt	32.6	0.0%	0.8%	-3.7%	15.3%
Thép HRC	USD/T.	940.0	0.0%	0.2%	0.3%	11.9%
Nhôm	USD/MT	2,347.8	0.0%	-0.5%	-12.2%	-9.7%
Niken	USD/MT	15,494.2	0.0%	4.2%	-4.6%	-16.0%
Quặng sắt	CNY/MT	758.5	-0.9%	0.2%	-2.6%	-17.4%
Dầu Brent	USD/bbl.	68.0	0.0%	4.9%	-4.0%	-22.0%
Dầu WTI	USD/bbl.	64.7	0.0%	5.2%	-3.7%	-21.8%
Xăng	USD/gal.	209.9	0.0%	5.0%	-3.3%	-22.7%
Than đá	USD/MT	95.1	0.0%	0.2%	-2.5%	-26.7%
Đậu tương	USD/bu.	1,036.5	0.0%	-0.6%	2.8%	-8.6%
Cao su	JPY/kg	295.3	-0.3%	-0.4%	-13.5%	-11.1%
Đường	USD/MT	498.9	0.0%	-4.6%	-10.5%	-12.3%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Các cổ phiếu lớn luân chuyển, VN-Index giao dịch giằng co

VN-Index chuyển sang trạng thái giằng co, giảm 0.2% cùng với thanh khoản thu hẹp 21% bình quân phiên so tuần trước. Trạng thái cân bằng chờ thông tin hỗ trợ, kéo theo giao dịch phân hóa theo KQKD quý I công bố tại mùa ĐHCĐ các công ty niêm yết.

- Cùng với đà tăng mạnh họ GEX, các cổ phiếu họ VIC giữ nhịp chỉ số đầu tuần dù vậy quay đầu giảm cuối tuần và chuyển dịch động lực nâng đỡ chỉ số cho nhóm cổ phiếu Ngân hàng.

- Độ rộng của thị trường cân bằng với 50% cổ phiếu trên Hose tăng điểm. Vận động ngành không rõ ràng nhưng xuất hiện 1 số cổ phiếu theo nhóm có mức tăng trên 10%.

- Khối ngoại tăng hoạt động bán ròng từ 84 triệu USD lên 188 triệu USD, tập trung chủ yếu vào cổ phiếu VIC. Chính phủ ký quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch điện 8, theo đó đáp ứng nhu cầu điện cho mục tiêu tăng trưởng 10% trong giai đoạn 2026-2030, điện thương phẩm đạt trên 500 tỷ kWh và phần đầu 50% tòa công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời áp mái vào 2030. Giá tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cơ cấu nguồn điện, ưu tiên điện gió, điện mặt trời. Vận hành nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1&2 công suất 4,000 – 6,400 MW giai đoạn 2030-2035. Dự án điện than triển khai theo quy hoạch đến 2030 và chuyển đổi dần sang dùng sinh khối, ưu tiên sử dụng khí cho phát điện. Quy hoạch điện 8 củng cố cho hướng dịch chuyển sang điện tái tạo và nhiên liệu thân thiện môi trường.

Thị trường đang trong vùng nhạy cảm, xu hướng chưa rõ ràng. NĐT vẫn cần chú trọng đến quản trị rủi ro, giữ tỷ trọng danh mục cân bằng để ứng phó với những biến động khó lường trong ngắn hạn.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30

Ngày 16/04/2025, HoSE đã thông báo cập nhật **bộ chỉ số HOSE-Index tháng 4/2025**. Những thay đổi sẽ có hiệu lực kể từ ngày 05/05/2025, do đó 28/04/2025 sẽ là ngày cuối cùng thực hiện tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF mô phỏng các chỉ số này.

Với những thay đổi đáng chú ý với bộ chỉ số VN30, BSC Research đã cập nhật chi tiết trong *báo cáo ngày 05/03/2025* (Link báo cáo tại phần **Tài liệu tham khảo**). Trên cơ sở dữ liệu mới công bố của HOSE, BSC Research dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30 như bảng dưới đây:

(*Lưu ý: thứ 2 tuần sau (21/04/2025) VNDiamond sẽ công bố danh mục mới, BSC Research sẽ gửi lại tính toán tổng thể mua/bán ETF nội. BSC Research đã thực hiện dự báo rõ danh mục này theo đó dự kiến sẽ thêm mới MWG, CTD và loại bỏ VRE, VIB vào rổ chờ loại ra, Chi tiết trong **báo cáo tuần 12**).

Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30

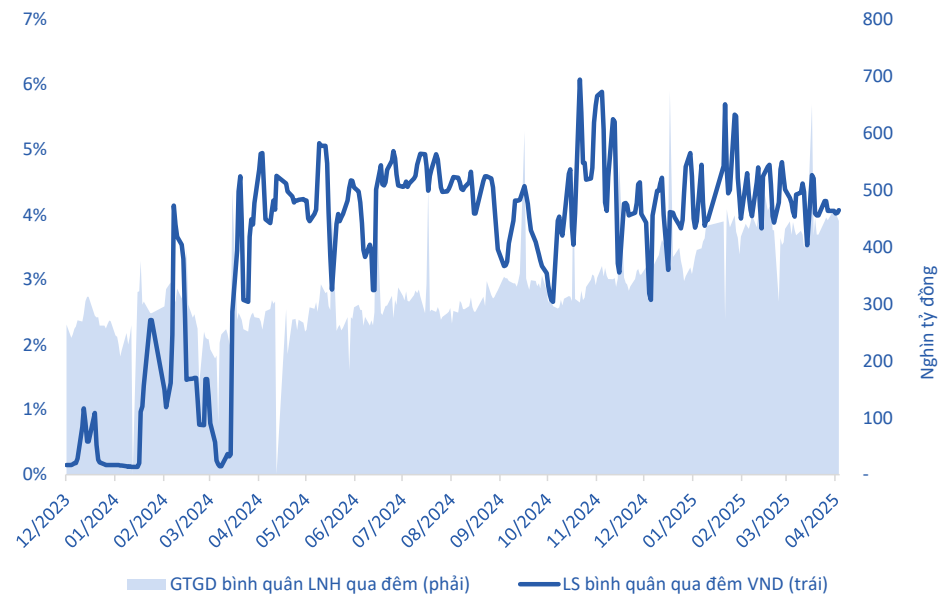
STT	Mã	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng gần nhất	Số phiên GD dự kiến
1	VJC	89.3	1,046,065	1,036,151	1.01
2	VNM	175.8	3,140,091	5,640,212	0.56
3	MWG	198.9	3,501,306	9,992,150	0.35
4	MSN	146.0	2,588,795	7,885,989	0.33
5	HPG	299.0	11,724,691	36,861,033	0.32
6	PLX	14.6	441,711	1,522,519	0.29
7	GAS	20.3	348,877	1,295,433	0.27
8	SAB	24.3	510,218	1,972,643	0.26
9	VIC	225.8	3,325,163	13,994,159	0.24
10	VHM	193.9	3,431,636	16,180,388	0.21
11	VRE	68.5	3,356,729	16,076,672	0.21
12	FPT	156.8	1,452,794	9,784,046	0.15
13	GVR	10.2	436,014	4,110,757	0.11
14	SHB	(55.6)	(4,630,751)	72,654,863	(0.06)
15	SSI	(62.0)	(2,695,191)	31,700,529	(0.09)
16	TPB	-30.2	(2,330,364)	24,864,922	(0.09)
17	BID	(17.0)	(470,888)	3,581,268	(0.13)
18	CTG	-59.0	(1,585,336)	9,229,347	(0.17)
19	STB	-128.3	(3,363,319)	19,506,362	(0.17)
20	MBB	(136.0)	(5,939,678)	32,533,499	(0.18)
21	BCM	(7.4)	(138,168)	738,718	(0.19)
22	VIB	-51.9	(2,849,619)	12,987,301	(0.22)
23	HDB	(92.9)	(4,499,791)	19,676,510	(0.23)
24	BVH	(8.1)	(183,449)	668,666	(0.27)
25	TCB	(212.0)	(8,218,079)	27,035,686	(0.30)
26	VPB	(159.3)	(9,482,840)	27,014,244	(0.35)
27	ACB	(169.5)	(6,977,248)	19,291,841	(0.36)
28	VCB	-110.8	(1,867,910)	4,152,138	(0.45)
29	SSB	(77.0)	(4,119,751)	7,317,468	(0.56)
30	LPB	-170.8	(5,230,391)	3,790,030	(1.38)

Nguồn: BSC Research

*Tài liệu tham khảo:
- Báo cáo ngày 05/03/2025: [Link](#)
- Báo cáo tuần 12: [Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 7	90,813.7	56,658.4	(34,155.3)	65,780.9
Tuần 8	93,479.5	90,370.0	(3,109.5)	62,671.4
Tuần 9	47,958.5	47,100.1	(858.4)	61,813.0
Tuần 10	35,935.6	60,381.3	24,445.7	86,258.8
Tuần 11	76,252.2	70,842.7	(5,409.5)	80,849.3
Tuần 12	52,296.4	53,094.9	798.5	81,647.7
Tuần 13	49,964.1	64,201.7	14,237.6	95,885.3
Tuần 14	50,133.8	74,054.0	23,920.3	119,805.5
Tuần 15	72,035.4	63,678.8	(8,356.6)	111,449.0

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.05%	4.26%	4.38%	4.88%
So với tuần trước	-0.12%	-0.10%	+0.02%	-0.12%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	456,199.8	9,160.3	5,031.3	5,939.3
So với tuần trước	+1.69%	-2.59%	-40.53%	+13.29%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/04/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 15, SBV đã phát hành 00.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 63,678.8 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã hút ròng -8,356.6 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng thu hẹp biên độ dao động, ổn định trong vùng 4.0% - 4.5%.

PTKT: VN-Index giằng co tạo vùng tích lũy tạm trong quá trình hồi phục ngắn hạn

Đồ thị ngày: Những phiên tăng giảm điểm đan xen với bóng nến rộng trong biên độ 1,200 - 1,240 điểm cùng thanh khoản thu gọn cho thấy thị trường dần ổn định sau biến động tăng giảm đột ngột của 2 tuần trước. Lực cầu ở vùng giá thấp và sự luân chuyển nhóm cổ phiếu dẫn dắt khi VN-Index tiếp cận vùng giá cao một mặt phản ánh tâm lý chờ đợi thông tin hỗ trợ mặt khác thể hiện rõ vai trò điều tiết của các nhóm cổ phiếu dẫn dắt chỉ số. Các chỉ báo kỹ thuật giữ ở mức thấp, dải bollinger band rộng cho thấy thị trường vẫn đang ở vùng biến động mạnh.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giữ ở mức 43 điểm.
- MACD thu hẹp khoảng cách với đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản giảm 21% với mức bình quân giao dịch 4 phiên của tuần trước.
- VN-Index giảm dưới SMA 20, SMA 50, 100, 200 và đang dần tiếp cận SMA200 đồ thị tuần.

Kết luận: Trong tuần qua VN-Index có phiên tăng điểm lấp gap 1,228 điểm với thanh khoản thấp và sau đó chuyển sang trạng thái giằng co, hình thành 1 vùng tích lũy hẹp trong ngắn hạn. Diễn biến thị trường tuần phản ánh trạng thái cân bằng ngắn hạn, vận động giá tiếp theo chưa rõ ràng và phụ thuộc vào thông tin hỗ trợ cũng như sự điều tiết của các cổ phiếu trong tuần tới. Mô hình hồi phục chữ V của VN-Index được duy trì nếu chỉ số có thể vượt 1,240 điểm nhưng cũng có thể chuyển đổi trạng thái sang mô hình W nếu giảm dưới 1,200 điểm với những phiên giao dịch chỉ hướng xác nhận đi cùng khối lượng giao dịch lớn.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top kéo tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm kéo
HPG	4.73	1.76
VHM	2.80	1.48
GEE	26.96	1.38
MWG	6.24	1.16
GEX	20.35	0.96
HVN	5.98	0.93
VIC	1.54	0.92
SHB	5.76	0.68
VRE	5.15	0.54
EIB	6.46	0.51
Tổng		10.31

Top kéo giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm kéo
VCB	-2.84	-3.40
FPT	-5.82	-2.43
GVR	-5.77	-1.44
BCM	-9.55	-1.41
BID	-2.18	-1.35
CTG	-2.47	-1.22
TCB	-2.26	-1.02
VPB	-2.87	-0.95
LGC	-23.02	-0.74
SAB	-3.37	-0.51
Tổng		-14.46

Khối ngoại mua ròng

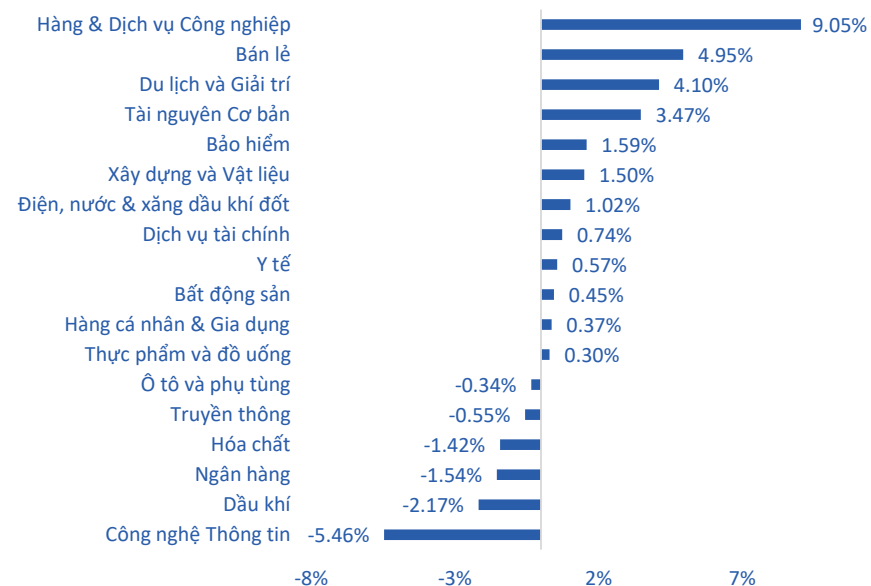
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
HPG	534.56
MWG	377.98
ACB	302.13
VCI	271.49
VHM	263.55
HVN	209.24
VCG	87.09
BMP	86.23
GEX	84.47
MSN	82.94
Tổng	2,299.68

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VIC	-4361.31
HCM	-371.80
FPT	-344.07
VNM	-290.65
IDC	-232.89
GMD	-204.14
CTG	-157.65
KBC	-151.70
VRE	-137.34
DGC	-126.75
Tổng	-6378.30

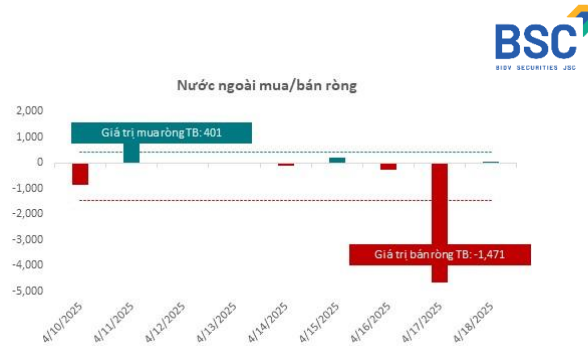
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.09%	9.05%	-0.67%
Bán lẻ	-0.26%	4.95%	-11.25%
Du lịch và Giải trí	-3.55%	4.10%	-1.00%
Tài nguyên Cơ bản	0.13%	3.47%	-8.99%
Bảo hiểm	-0.41%	1.59%	-12.19%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NGT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
VIX	9,858,800	125.87	FPT	1,145,800	(128.25)	HPG	20,909,515	534.56	VIC	61,865,245	(4,361.31)	VIC	60,903,345	4,293.17	HPG	22,734,264	(584.84)
VGC	1,381,400	57.53	STB	3,132,300	(119.10)	MWG	6,695,417	377.98	HCM	13,993,564	(371.80)	FPT	5,570,271	617.20	MWG	7,015,287	(396.98)
BSR	2,760,000	44.41	GEX	3,510,100	(90.12)	ACB	12,134,242	302.13	FPT	3,052,408	(344.07)	KBC	24,554,875	537.60	VCI	6,440,252	(240.38)
EIB	1,236,500	20.32	CTG	2,017,000	(76.13)	VCI	7,273,212	271.49	VNM	5,171,436	(290.65)	HCM	14,514,064	385.00	HVN	6,854,050	(213.91)
MSN	225,300	13.18	ACB	2,233,563	(53.54)	VHM	4,616,750	263.55	GMD	4,477,945	(204.14)	GMD	8,443,106	381.11	VCG	5,403,200	(116.59)
VCG	473,000	10.45	KOS	1,400,000	(53.48)	HVN	6,704,250	209.24	CTG	4,196,926	(157.65)	CTG	8,212,726	308.52	VHM	1,688,582	(112.36)
FUEVFNVD	255,900	6.33	HPG	1,783,701	(44.72)	VCG	4,068,800	87.09	KBC	6,690,675	(151.70)	SSI	8,780,253	200.27	DCM	3,585,000	(110.10)
HDG	252,000	5.85	E1VFN3C	1,947,800	(44.31)	BMP	656,200	86.23	VRE	6,715,049	(137.34)	VNM	3,566,036	200.04	VIX	8,618,096	(107.98)
TCH	304,000	5.09	NLG	1,223,100	(34.69)	GEX	3,287,188	84.47	DGC	1,425,846	(126.75)	GVR	7,626,100	190.45	ACB	3,413,380	(89.69)
CMG	102,100	3.43	PNJ	495,200	(34.43)	MSN	1,416,586	82.94	SSI	5,183,349	(119.88)	STB	4,749,221	180.77	BMP	670,700	(87.94)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link
MWG	Bán lẻ	56.2	-1.1%	1.6	82,135	373	2,544	22.1		46.9%	
KBC	Bất động sản	21.8	1.4%	1.71	16,734	197	498	43.8		17.1%	
KDH	Bất động sản	26.9	-0.2%	1.25	27,149	68	863	31.1		35.9%	
PDR	Bất động sản	16.4	-0.9%	1.87	14,319	100	191	86.0	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	55.0	-3.2%	0.91	225,908	741	7349	7.5	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	111.6	2.0%	1.00	164,171	953	5371	20.8	163,000	41.7%	Link
BSR	Dầu khí	16.0	1.3%	0.00	49,453	36	204	78.4		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.0	2.4%	1.31	12,427	195	2238	11.6	40,300	16.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.1	0.4%	1.56	18,755	430	1571	16.6		41.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	1.1%	1.47	45,810	636	1536	15.2		35.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.1	-1.5%	1.58	26,606	460	1537	24.1		30.3%	
DCM	Hóa chất	30.9	-0.5%	1.53	16,332	67	2682	11.5	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	88.5	1.5%	1.41	33,610	164	7864	11.3	111,400	15.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.5	0.8%	0.71	109,433	270	3759	6.5	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	36.0	0.3%	0.82	252,418	125	3636	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.5	0.5%	1.01	201,106	326	4720	7.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.8	0.5%	1.07	72,697	257	3667	5.7		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.3	1.1%	0.97	141,878	750	3729	6.2	26,300	22.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.2	2.3%	1.16	28,990	136	2123	5.3	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	38.6	0.7%	1.10	72,675	561	5351	7.2		21.0%	
TCB	Ngân hàng	26.0	0.0%	1.15	183,686	475	3054	8.5	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.2	0.8%	0.86	34,874	164	2298	5.7	-	23.6%	Link
VCB	Ngân hàng	58.1	0.0%	0.67	485,465	138	4049	14.4		22.5%	
VIB	Ngân hàng	18.3	1.7%	1.13	54,518	89	2424	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	17.0	2.4%	1.02	134,480	280	1989	8.5	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-0.2%	1.18	162,785	540	1879	13.5	37,500	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	13.7	1.5%	1.70	8,507	72	935	14.7	22,700	6.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.8	2.3%	1.45	8,969	214	2712	9.9	31,000	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	58.0	1.2%	1.58	83,424	212	1345	43.1		24.9%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.6	1.1%	0.72	118,291	179	4494	12.6		49.2%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
DGW	Bán lẻ	32.5	0.5%	1.7	7,112	21.3	2,042	15.9	18.74%		Link
FRT	Bán lẻ	146.5	2.5%	1.0	19,960	53.7	2,331	62.9	31.75%		
BVH	Bảo hiểm	45.0	-0.8%	0.9	33,405	24.3	2,843	15.8	26.64%		
DIG	Bất động sản	15.7	0.0%	1.6	9,544	202.9	188	83.3	3.17%		
DXG	Bất động sản	14.3	1.1%	1.6	12,410	178.7	349	40.9	20.66%		Link
HDC	Bất động sản	22.4	-1.5%	1.2	3,986	108.0	384	58.2	3.04%		
HDG	Bất động sản	23.1	1.1%	1.4	7,769	38.1	1,036	22.3	19.54%		
IDC	Bất động sản	36.3	2.3%	1.2	11,979	96.4	6,049	6.0	18.01%		
NLG	Bất động sản	28.0	-1.4%	1.3	10,782	58.3	1,346	20.8	37.73%		Link
SIP	Bất động sản	60.8	4.1%	0.0	12,800	44.4	5,584	10.9	5.23%		
SZC	Bất động sản	31.0	1.0%	1.4	5,580	67.3	2,036	15.2	2.78%	11.78%	Link
TCH	Bất động sản	16.7	0.0%	1.4	11,159	151.5	1,466	11.4	8.80%		Link
VIC	Bất động sản	66.1	-6.9%	0.9	252,744	722.6	3,069	21.5	9.38%		
VRE	Bất động sản	20.4	0.0%	1.2	46,355	405.6	1,802	11.3	19.10%		
CMG	Công nghệ Thông tin	32.5	3.8%	0.8	6,867	33.6	1,478	22.0	36.31%		
PLX	Dầu khí	34.0	0.4%	0.9	43,200	20.8	2,274	15.0	17.44%		Link
PVD	Dầu khí	18.0	0.8%	1.4	9,978	76.4	1,255	14.3	8.20%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	39.4	0.1%	1.8	12,053	152.8	1,869	21.1	29.63%		
MBS	Dịch vụ tài chính	27.0	0.8%	1.8	15,465	219.6	1,650	16.4	6.91%	12.93%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.4	0.5%	0.7	136,812	38.6	4,439	13.2	1.72%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.0	0.0%	1.0	28,102	90.5	475	25.3	3.72%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.5	1.1%	1.0	30,851	26.0	4,237	15.5	49.00%		
VJC	Du lịch và Giải trí	86.5	-1.7%	0.6	46,849	131.6	2,632	32.9	12.65%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	27.5	4.6%	1.8	23,634	787.5	1,910	14.4	10.58%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	48.7	5.8%	1.1	20,442	208.6	4,609	10.6	39.80%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.4	1.9%	1.4	7,716	176.2	4,401	13.5	9.86%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.2	3.2%	1.2	7,530	56.1	3,071	6.9	11.66%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	101.0	2.0%	0.0	12,300	84.3	3,146	32.1	6.67%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	72.5	3.9%	0.8	24,498	78.7	6,300	11.5	46.70%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.3	0.5%	0.87	2,979	43.2	2710	10.8	49.76%		

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link tải báo cáo
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.1	5.9%	1.3	1,974	20.2	2,568	6.3	16.71%		
DPM	Hóa chất	32.9	1.4%	1.5	12,875	74.1	1,374	23.9	8.53%		Link
GVR	Hóa chất	24.5	1.2%	1.9	98,000	80.2	997	24.6	0.67%		
EIB	Ngân hàng	19.0	4.7%	0.9	35,299	395.4	1,786	10.6	3.75%		Link
LPB	Ngân hàng	33.9	0.9%	0.9	101,269	144.1	3,254	10.4	0.76%		
NAB	Ngân hàng	16.4	2.8%	0.0	22,441	18.6	2,702	6.1	1.79%		
OCB	Ngân hàng	10.6	1.0%	1.1	26,137	102.9	1,287	8.2	19.30%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.1	1.7%	1.7	5,393	118.5	1,354	8.9	5.46%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.3	2.7%	1.5	4,060	27.8	180	84.9	0.69%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.7	2.2%	0.8	9,926	145.1	1,524	21.4	3.70%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.4	0.7%	1.0	60,729	49.0	3,376	14.0	59.36%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	48.0	4.6%	1.2	10,774	88.0	5,463	8.8	24.03%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	129.8	-3.5%	0.8	10,626	101.7	12,103	10.7	83.81%		
CTD	Xây dựng và Vật liệu	76.4	-1.8%	1.4	7,635	76.7	3,718	20.6	49.00%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.9	3.6%	1.3	9,826	43.7	4,705	18.3	8.01%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	50.0	2.0%	1.4	3,150	51.9	3,553	14.1	7.54%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.9	0.0%	1.7	5,122	91.5	987	12.0	6.84%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.2	0.7%	1.3	7,564	19.7	1,307	16.2	16.56%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-2.2%	1.6	13,109	362.2	1,548	14.2	7.47%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.0	3.1%	1.5	18,831	54.7	2,464	17.1	5.65%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: **RESP BSC ResearchV <GO>**

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký